

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Tháng 07 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

MẪU SỐ B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150+190)	100		5,006,777,743,528	4,840,900,856,509
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	186,591,373,856	258,225,643,573
1. Tiền	111		186,591,373,856	258,225,643,573
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2,729,000,000,000	2,544,408,470,667
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2,729,000,000,000	2,545,402,807,169
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(994,336,502)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		688,994,909,513	630,767,817,796
1. Phải thu khách hàng	131		492,023,936,708	539,679,699,361
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	7	451,319,325,255	499,080,866,740
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	8	40,704,611,453	40,598,832,621
2. Trả trước cho người bán	132		63,865,647,604	51,066,086,045
3. Các khoản phải thu khác	135	9	175,467,710,468	81,676,946,161
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(42,362,385,267)	(41,654,913,771)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		136,966,998,490	116,992,327,855
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	123,988,216,472	104,099,649,464
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		104,527,476,320	87,328,824,876
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		19,460,740,152	16,770,824,588
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12,455,212,508	12,892,678,391
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	523,569,510	-
V. Tài sản tái bảo hiểm	190	12	1,265,224,461,669	1,290,506,596,618
1. Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	191		644,908,591,477	511,193,292,062
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		620,315,870,192	779,313,304,556
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		100,228,274,999	273,970,939,894
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		21,774,728,070	15,591,266,363
1. Phải thu dài hạn khác	218	9	21,774,728,070	15,591,266,363
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		7,000,000,000	7,000,000,000
1.2. Ký quỹ, ký cược khác	218.2		14,774,728,070	8,591,266,363
II. Tài sản cố định	220		5,862,643,678	4,610,507,686
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	4,145,116,401	2,268,509,978
Nguyên giá	222		14,596,738,148	13,094,832,875
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10,451,621,747)	(10,826,322,897)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	1,717,527,277	2,341,997,708
Nguyên giá	228		7,171,964,959	7,171,964,959
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5,454,437,682)	(4,829,967,251)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	1,990,000,000	171,990,000,000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		1,990,000,000	171,990,000,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		70,600,903,251	81,779,165,845
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	70,600,903,251	81,779,165,845
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		5,107,006,018,527	5,114,871,796,403

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

42

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

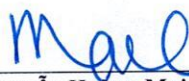
MẪU SỐ B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		3,973,951,743,574	4,006,799,207,420
I. Nợ ngắn hạn	310		3,950,378,369,261	3,976,698,295,868
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	15	200,000,000,000	200,000,000,000
2. Phải trả cho người bán	312		666,680,514,200	687,688,111,945
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	16	658,041,284,182	646,661,465,894
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		8,639,230,018	41,026,646,051
3. Người mua trả tiền trước	313		84,208,290,363	114,315,710,008
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	28,685,179,206	21,170,310,060
5. Phải trả người lao động	315		80,511,457,482	95,321,679,799
6. Chi phí phải trả	316		26,695,833	1,335,890,110
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	44,359,146,565	20,422,596,108
8. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	18	110,265,902,639	92,703,862,451
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		755,112,158	1,077,112,158
10. Dự phòng nghiệp vụ	329	19	2,734,886,070,815	2,742,663,023,229
10.1. Dự phòng phí, dự phòng toán học bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		1,670,664,896,921	1,507,239,388,714
10.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		939,924,698,035	1,121,291,354,972
10.3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối	329.3		124,296,475,859	114,132,279,543
II. Nợ dài hạn	330		23,573,374,313	30,100,911,552
1. Phải trả dài hạn khác	333		1,000,000	1,000,000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		23,572,374,313	30,099,911,552
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1,133,054,274,953	1,108,072,588,983
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	1,133,054,274,953	1,108,072,588,983
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		17,165,682,340	15,916,598,041
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		115,888,592,614	92,155,990,942
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		5,107,006,018,527	5,114,871,796,403


Trần Phương Anh
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2025


Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởngNghiêm Xuân Thái
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 2 năm 2025	Quý 2 năm 2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2025	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2024
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	615,487,518,378	559,292,672,416	1,229,603,020,498	1,058,928,561,455
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	38,474,564,102	37,794,615,167	80,700,764,762	70,348,174,876
3. Thu nhập khác	13	470,069,758	218,771,768	665,686,457	823,598,924
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	531,016,930,957	512,989,771,203	1,099,284,098,394	978,092,111,630
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	11,310,372,332	(282,765,353)	14,368,565,905	(362,731,389)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	91,477,633,319	71,274,289,722	165,409,361,118	128,167,620,630
7. Chi phí khác	24	654,380,631	220,500,850	730,992,416	654,304,131
8. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	50	19,972,834,999	13,104,262,929	31,176,453,884	23,549,030,253
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	3,827,856,351	2,938,704,291	6,194,767,914	5,027,657,756
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-
9. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	16,144,978,648	10,165,558,638	24,981,685,970	18,521,372,497

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

42

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Quý 2 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2025	Quý 2 năm 2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2025	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2024
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)	01	21	771,563,472,498	670,404,060,826	1,489,511,634,641	1,278,897,648,366
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		866,733,663,490	717,150,213,914	1,617,937,088,417	1,383,732,551,389
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		16,609,252,972	16,598,146,582	35,000,054,431	23,507,738,892
- Tăng/(giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		111,779,443,964	63,344,299,670	163,425,508,207	128,342,641,915
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)	02	22	262,934,634,327	238,578,282,544	502,802,211,839	465,390,218,111
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		343,587,244,722	188,554,015,043	636,517,511,254	391,009,757,280
- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		80,652,610,395	(50,024,267,501)	133,715,299,415	(74,380,460,831)
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)	03		508,628,838,171	431,825,778,282	986,709,422,802	813,507,430,255
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		106,858,680,207	127,466,894,134	242,893,597,696	245,421,131,200
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		46,595,336,077	64,161,560,349	92,251,008,153	115,272,442,283
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		60,263,344,130	63,305,333,785	150,642,589,543	130,148,688,917
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		615,487,518,378	559,292,672,416	1,229,603,020,498	1,058,928,561,455
6. Chi bồi thường (11= 11.1 - 11.2)	11		288,089,286,315	268,966,515,788	640,319,579,429	491,225,181,640
- Tổng chi bồi thường	11.1		288,089,286,315	272,573,373,323	640,319,579,429	494,832,039,175
- Các khoản giảm trừ (Thu hồi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý 100%)	11.2		-	3,606,857,535	-	3,606,857,535
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		136,483,941,340	99,835,855,700	291,255,659,823	194,807,175,912
8. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		(75,616,876,430)	(41,802,363,616)	(181,366,656,937)	(24,267,408,520)
9. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(68,349,205,743)	(35,528,504,677)	(158,997,434,364)	(36,270,723,006)
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	23	144,337,674,288	162,856,801,149	326,694,697,033	308,421,320,214
11. Tăng dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	16		5,398,261,379	5,417,272,234	10,164,196,316	10,162,272,708
Trong đó: Chi bồi thường từ quỹ dao động lớn			-	-	-	-
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	24	381,280,995,290	344,715,697,820	762,425,205,045	659,508,518,708
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		48,306,167,455	34,374,558,022	88,253,591,396	63,108,927,499
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		332,974,827,835	310,341,139,798	674,171,613,649	596,399,591,209
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		531,016,930,957	512,989,771,203	1,099,284,098,394	978,092,111,630
14. LN (Lỗ) gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		84,470,587,421	46,302,901,213	130,318,922,104	80,836,449,825

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

42

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2025	Quý 2 năm 2024	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2025	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2024
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	25	38,474,564,102	37,794,615,167	80,700,764,762	70,348,174,876
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	26	11,310,372,332	(282,765,353)	14,368,565,905	(362,731,389)
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25-23-24)	25		27,164,191,770	38,077,380,520	66,332,198,857	70,710,906,265
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	91,477,633,319	71,274,289,722	165,409,361,118	128,167,620,630
19. LN (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		20,157,145,872	13,105,992,011	31,241,759,843	23,379,735,460
20. Thu nhập khác	31		470,069,758	218,771,768	665,686,457	823,598,924
21. Chi phí khác	32		654,380,631	220,500,850	730,992,416	654,304,131
22. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(184,310,873)	(1,729,082)	(65,305,959)	169,294,793
23. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		19,972,834,999	13,104,262,929	31,176,453,884	23,549,030,253
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3,827,856,351	2,938,704,291	6,194,767,914	5,027,657,756
25. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
24. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16,144,978,648	10,165,558,638	24,981,685,970	18,521,372,497


Trần Phương Anh
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2025


Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng

Nghiêm Xuân Thái
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

42

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 2 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B 03a-DNPNT

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý 2	
		Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01 1	925,986,013,307	803,149,200,228	1,700,979,141,939	1,570,937,213,451
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02 2	(618,635,967,358)	(677,925,988,553)	(1,438,553,729,251)	(1,274,726,792,385)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03 3	(98,545,544,398)	(75,482,224,860)	(234,605,676,513)	(191,923,697,946)
4. Tiền chi trả lãi vay	04 4	(2,492,228,647)	-	(4,605,144,722)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05 5	-	-	(3,222,239,940)	(2,693,525,008)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06 6	15,365,140,966	12,018,153,132	26,112,991,802	27,613,139,423
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07 7	(82,756,146,842)	(53,856,134,554)	(145,648,991,184)	(104,020,078,268)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20 20	138,921,267,028	7,903,005,393	(99,543,647,869)	25,186,259,267
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21 21	(46,400,700)	(37,999,364)	(77,400,700)	(37,999,364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22 22	275,905,051	600,000	282,235,051	600,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23 23	(248,000,000,000)	(239,000,000,000)	(804,000,000,000)	(1,168,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24 24	198,000,000,000	137,000,000,000	784,000,000,000	266,000,000,000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26 26	-	-	-	801,770,047,960
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27 27	11,619,048,171	8,791,446,471	46,466,032,640	20,300,843,162
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30 30	(38,151,447,478)	(93,245,952,893)	26,670,866,991	(79,966,508,242)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
2. Tiền thu từ đi vay	33 33	200,000,000,000	-	200,000,000,000	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34 34	(200,000,000,000)	-	(200,000,000,000)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36 36	(486,876)	(3,459,475)	(1,068,276)	(4,728,202)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40 40	(486,876)	(3,459,475)	(1,068,276)	(4,728,202)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50 50	100,769,332,674	(85,346,406,975)	(72,873,849,154)	(54,784,977,177)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60 60	84,821,840,889	229,805,371,315	258,225,643,573	199,243,849,337
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61 61	1,000,200,293	(2,260,032)	1,239,579,437	(2,167,852)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60-61)	70 70	186,591,373,856	144,456,704,308	186,591,373,856	144,456,704,308


Trần Phương Anh
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2025


Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng**Nghiêm Xuân Thái**
Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC43/KDBH, từ ngày 06 tháng 05 năm 2025, Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV (gọi tắt là “Công ty”). Vốn điều lệ của Công ty Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 1000 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 2,892 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1,770 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm và kinh doanh dịch vụ tài chính

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 25, Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội và chín mươi bảy (97) đơn vị trực thuộc, bao gồm 94 Chi nhánh và 3 Văn phòng đại diện.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính Quý 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 5 năm 2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 50/2017/TT-BTC (“Thông tư 50”) hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm. Thông tư 50 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

Ngày 02 tháng 11 năm 2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 67/2023/TT-BTC (“Thông tư 67”) hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Nghị định 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2023 của Chính phủ thi hành một số điều của Luật kinh doanh Bảo hiểm.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã áp dụng các quy định tại Thông tư 50 và Thông tư 67 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm và tài sản tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Đường Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2009/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và các quy định kế toán hiện hành. Cụ thể như sau:

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{c} \text{Mức dự phòng tổn} \\ \text{thất các khoản đầu} \\ \text{tư tài chính} \end{array} = \left[\begin{array}{c} \text{Vốn góp thực} \\ \text{tế của các bên} \\ \text{tại tổ chức} \\ \text{kinh tế} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Vốn chủ sở} \\ \text{hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \right] \times \frac{\text{Số vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng số vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty đã tính các khoản dự phòng dựa trên thông tin tài chính gần nhất thu thập được của các đơn vị này và Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Tổng Công đã trích lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Đường Đinh Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2024
	(Năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính được thay thế bởi Thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023, Công văn số 2846/BTC-QLBH của Bộ Tài chính ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017 và Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012, theo đó:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng phí chưa được hưởng:

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Dự phòng phí gốc, nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính, được thay thế bởi quy định tại Điểm 1, Điều 35 Thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR) dự phòng bồi thường được tính theo công thức được hướng dẫn tại tiết b, điểm 1 điều 36 Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 1461/BTC-QLBH ngày 05 tháng 02 năm 2024, áp dụng từ năm tài chính 2024.

Dự phòng dao động lớn: Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017 và Thông tư số 67/2023/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 02 tháng 11 năm 2023, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Dự phòng bảo hiểm nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe**

- *Dự phòng toán học (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm):* Từ năm 2023 Công ty không khai thác các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 01 năm.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe người vay vốn chỉ bảo hiểm cho chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học theo phương pháp phí bảo hiểm thuần và cơ sở quy định tại gạch đầu dòng thứ hai, tiết a, điểm 3.1 khoản 3 điều 18 thông tư 50/2017/TT-BTC và điểm 1 Khoản 1 Thông tư 01/2019/TT-BTC của Bộ tài chính đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 1917/BTC-QLBH ngày 28 tháng 2 năm 2022.

Đối với cả hợp đồng bảo hiểm sức khỏe khác: áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 19 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018.

- *Dự phòng phí chưa được hưởng (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở xuống)*

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR) dự phòng bồi thường được tính theo công thức được hướng dẫn tại tiết b, điểm 1 điều 36 Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 1461/BTC-QLBH ngày 05 tháng 02 năm 2024, áp dụng từ năm tài chính 2024.

Dự phòng đảm bảo cân đối: Mức trích dự phòng đảm bảo cân đối được áp dụng là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Ký quỹ bảo hiểm

Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Ghi nhận doanh thu***Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc***

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 67/2023/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 02 tháng 11 năm 2023. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn) nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Đường Đinh Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

bảo hiểm (áp dụng đối với kỳ thanh toán phí bảo hiểm đầu tiên hoặc thanh toán phí bảo hiểm một lần). Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên (đối với trường hợp đóng phí theo kỳ) hoặc phí bảo hiểm đối với trường hợp đóng phí bảo hiểm một lần được hạch toán khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Công ty và được xác nhận bởi Công ty.

Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong kỳ.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của bộ Tài chính, được thay thế bởi quy định tại Tiết c, Điểm 2, Điều 35 Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính.

Đối với các hoạt động khác

Doanh thu từ các hoạt động khác của Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, được ghi nhận khi phát sinh.

Ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Công ty và Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc” và “Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm và một số khoản chi phí dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình quản lý hợp đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng kỳ này để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm của hợp đồng bảo hiểm sức khỏe người vay vốn chỉ bảo hiểm cho chết và thương tật toàn bộ vĩnh viễn

Áp dụng phân bổ theo tỷ lệ dự phòng toán học trên doanh thu phí bảo hiểm gốc.

- Đối với các hợp đồng bảo hiểm khác có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của bộ Tài chính, được thay thế bởi quy định tại Tiết c, Điểm 2, Điều 35 Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	68,310,338	564,283,029
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	185,117,792,390	257,402,962,861
Tiền đang chuyển	1,405,271,128	258,397,683
Các khoản tương đương tiền (i)	-	-
	186,591,373,856	258,225,643,573

- (i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư tại các ngân hàng thương mại trong nước

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2,729,000,000,000	-	2,545,402,807,169	(994,336,502)
a) Chứng khoán kinh doanh	-	-	6,402,807,169	(994,336,502)
- Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	6,402,807,169	(994,336,502)
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2,729,000,000,000	-	2,539,000,000,000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	2,729,000,000,000	-	2,539,000,000,000	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1,990,000,000	-	171,990,000,000	-
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	170,000,000,000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	-	-	170,000,000,000	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1,990,000,000	-	1,990,000,000	-
- Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	1,990,000,000	-	1,990,000,000	-
b) Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	-
- Đầu tư mua cổ phiếu	-	-	-	-

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại đến 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại trong nước.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu phí bảo hiểm gốc	209,217,902,157	140,561,966,210
Trong đó:		
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	188,298,800,647	130,113,480,542
- Phải thu của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm:	20,919,101,510	10,448,485,668
b) Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	14,309,646,457	11,913,462,640
c) Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	222,650,113,483	343,786,364,931
d) Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	3,160,259,935	1,084,861,984
e) Phải thu khác	1,981,403,223	1,734,210,975
	451,319,325,255	499,080,866,740

8. PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (i)	38,359,899,321	38,359,899,321
Phải thu khác của khách hàng về hoạt động đầu tư cổ phiếu	2,238,933,300	2,238,933,300
Phải thu khác	105,778,832	-
	40,704,611,453	40,598,832,621

(i) Thẻ hiện gốc và lãi phải thu của khoản đầu tư trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long, trái phiếu có thời hạn 3 năm, bắt đầu từ ngày 19 tháng 10 năm 2009 và đáo hạn vào ngày 19 tháng 10 năm 2012. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho khoản này (Thuyết minh 10).

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	175,467,710,468	81,676,946,161
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	22,000,000	22,000,000
Tạm ứng	66,173,788,987	12,526,981,156
Phải thu ngắn hạn khác	109,271,921,481	69,127,965,005
b) Dài hạn	21,774,728,070	15,591,266,363
Ký quỹ bảo hiểm	7,000,000,000	7,000,000,000
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	14,774,728,070	8,591,266,363
	197,242,438,538	97,268,212,524

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

10. DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU QUÁ HẠN

Nội dung	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên và không có khả năng thu hồi	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Phí bảo hiểm gốc	998,333,577	2,607,320,395	304,546,562	1,303,780,530	5,213,981,065
Phải thu tái bảo hiểm	500,800,879	637,384,993	327,146,665	125,647,163	1,590,979,700
Nợ khác				58,779,963	58,779,963
Cộng	1,499,134,457	3,244,705,388	631,693,227	1,488,207,656	6,863,740,728

Chi tiết các đối tượng khác theo thời gian quá hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2025.

	30/06/2025		31/12/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	45,223,640,049	42,362,385,267	44,237,469,669	41,654,913,771
Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long	38,359,899,321	38,359,899,321	38,359,899,321	38,359,899,321
Các đối tượng khác	6,863,740,728	4,002,485,946	5,877,570,348	3,295,014,450

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, nợ xấu là các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Đầu năm đến hết	Năm 2024
	Quý 1/2025	
	VND	VND
1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	87,328,824,876	66,244,877,664
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong kỳ/năm	55,613,882,729	85,127,002,219
- Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	(38,415,231,285)	(64,043,055,007)
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	104,527,476,320	87,328,824,876
2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	19,460,740,152	16,770,824,588
	123,988,216,472	104,099,649,464

b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
- Tiền thuê cơ sở hạ tầng trả trước	603,118,180	358,250,000
- Trả trước cho hoạt động kinh doanh nhiều kỳ	57,702,717,422	66,277,710,169
- Ấn phẩm, ấn chỉ dùng dần	2,073,275,505	1,342,478,801
- Công cụ lao động có giá trị lớn xuất dùng 1 lần	3,603,948,905	4,596,069,021
- Chi phí sửa chữa cải tạo văn phòng	3,585,102,048	6,137,072,857
- Các khoản trả trước khác	3,032,741,191	3,067,584,997
	70,600,903,251	81,779,165,845

12. TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	644,908,591,477	511,193,292,062
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	620,315,870,192	779,313,304,556
	1,265,224,461,669	1,290,506,596,618

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	5,821,411,775	7,273,421,100	13,094,832,875
Mua sắm mới	2,261,568,000	77,400,000	2,338,968,000
Tăng khác			-
Thanh lý, nhượng bán	(837,062,727)	-	(837,062,727)
Giảm khác	-		-
Số dư cuối kỳ	7,245,917,048	7,350,821,100	14,596,738,148
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	4,784,048,191	6,042,274,706	10,826,322,897
Trích khấu hao	181,997,333	280,364,244	462,361,577
Tăng khác			-
Thanh lý, nhượng bán	(837,062,727)	-	(837,062,727)
Giảm khác	-		-
Số dư cuối kỳ	4,128,982,797	6,322,638,950	10,451,621,747
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	1,037,363,584	1,231,146,394	2,268,509,978
Tại ngày cuối kỳ	3,116,934,251	1,028,182,150	4,145,116,401

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ	VND	VND
Số dư đầu kỳ	7,171,964,959	7,171,964,959
Tăng do mua sắm	-	-
Tăng khác	-	-
Giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ	7,171,964,959	7,171,964,959
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	4,829,967,251	4,829,967,251
Tăng do góp vốn	-	-
Trích khấu hao	624,470,431	624,470,431
Giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ	5,454,437,682	5,454,437,682
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	2,341,997,708	2,341,997,708
Tại ngày cuối kỳ	1,717,527,277	1,717,527,277

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Tầng 25, tòa nhà Vinacomín, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu kỳ</u> <u>VND</u>
- Vay ngắn hạn	200,000,000,000	200,000,000,000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	0	0
	<u>200,000,000,000</u>	<u>200,000,000,000</u>

16. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu kỳ</u> <u>VND</u>
a) Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	431,568,756,976	571,842,746,134
b) Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	10,163,664,002	7,908,008,738
c) Phải trả bồi thường bảo hiểm	15,524,665,569	13,301,324,923
d) Phải trả hoa hồng bảo hiểm	34,196,585,425	22,131,794,720
e) Phải trả khác	166,587,612,210	31,477,591,379
	<u>658,041,284,182</u>	<u>646,661,465,894</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Các khoản phải nộp		
Thuế GTGT	22,383,060,651	16,676,332,498
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6,053,630,071	3,081,102,097
Thuế thu nhập cá nhân	-	1,135,458,843
Thuế nhà thầu nước ngoài	129,937,101	6,633,425
Thuế, phí phải nộp khác	118,551,383	270,783,197
	28,685,179,206	21,170,310,060

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	92,703,862,451	149,033,442,672
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong kỳ/năm	54,761,511,182	86,477,926,076
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong kỳ/năm	(37,199,470,994)	(142,807,506,297)
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	110,265,902,639	92,703,862,451
2. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Phải trả bảo hiểm xã hội	20,590,986	289,088,487
Phải trả bảo hiểm y tế	8,316,049	53,597,444
Phải trả kinh phí công đoàn	2,541,489,898	1,314,422,943
Phải trả các cổ đông	3,517,970,269	3,519,085,419
Phải trả khác	38,270,779,363	15,246,401,815
	44,359,146,565	20,422,596,108

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Đường Đinh Nghê
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Đơn vị: VND

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí, dự phòng toán học chưa được hưởng	Số cuối kỳ		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
1. Dự phòng bồi thường	939,924,698,035	620,315,870,192	319,608,827,843
Trong đó:			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	877,118,274,101	595,631,566,423	281,486,707,678
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	62,806,423,934	24,684,303,769	38,122,120,165
2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	1,670,664,896,921	644,908,591,477	1,025,756,305,444
Cộng	2,610,589,594,956	1,265,224,461,669	1,345,365,133,287

Trong đó chi tiết:

1. Dự phòng bồi thường	Năm 2025		
	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	1,121,291,354,972	779,313,304,556	341,978,050,416
Số trích lập trong kỳ	(181,366,656,937)	(158,997,434,364)	(22,369,222,573)
Số dư cuối kỳ	939,924,698,035	620,315,870,192	319,608,827,843

2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	Năm 2025		
	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	1,507,239,388,714	511,193,292,062	996,046,096,652
Số trích lập trong kỳ	163,425,508,207	133,715,299,415	29,710,208,792
Số dư cuối kỳ	1,670,664,896,921	644,908,591,477	1,025,756,305,444

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2025	Năm 2024
Số dư đầu kỳ	114,132,279,543	118,655,912,884
Số trích lập thêm trong kỳ	10,164,196,316	19,476,366,659
Số sử dụng trong kỳ	-	(24,000,000,000)
Số dư cuối kỳ	124,296,475,859	114,132,279,543

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2024	1,000,000,000,000	15,339,966,939	81,592,242,263	1,096,932,209,202
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	11,532,622,044	11,532,622,044
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	576,631,102	(576,631,102)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(392,242,263)	(392,242,263)
Số dư tại ngày 31/12/2024	1,000,000,000,000	15,916,598,041	92,155,990,942	1,108,072,588,983
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2024	1,000,000,000,000	15,916,598,041	92,155,990,942	1,108,072,588,983
Lợi nhuận/(Lỗ) trong kỳ	-	-	24,981,685,970	24,981,685,970
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	1,249,084,299	(1,249,084,299)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2025	1,000,000,000,000	17,165,682,340	115,888,592,614	1,133,054,274,953

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2025	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2024
	VND	VND
Phí bảo hiểm gốc	1,620,964,497,320	1,385,154,296,865
Bảo hiểm hàng không	19,870,019,456	63,130,275
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	265,677,296,335	224,141,606,645
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	57,921,047,617	47,428,666,239
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	55,594,464,054	46,754,366,986
Bảo hiểm xe cơ giới	1,003,666,487,606	891,481,800,918
Bảo hiểm cháy nổ	159,937,488,175	128,878,765,106
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	45,656,993,239	35,885,547,828
Bảo hiểm trách nhiệm chung	5,602,766,490	5,902,083,711
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	7,037,934,348	4,618,329,157
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(3,027,408,903)	(1,421,745,476)
Phí nhận tái bảo hiểm	35,090,495,986	23,566,816,097
Bảo hiểm hàng không	253,143,450	27,180,000
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	417,380,876	2,531,726,767
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	17,541,226,835	16,386,164,540
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	25,521,724	45,359,322
Bảo hiểm xe cơ giới	20,889,208	-
Bảo hiểm cháy nổ	13,172,297,915	4,420,805,285
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	3,468,037,274	33,604,538
Bảo hiểm trách nhiệm chung	101,238,933	13,610,660
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	90,759,771	108,364,985
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(90,441,555)	(59,077,205)
(Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(163,425,508,207)	(128,342,641,915)
	1,489,511,634,641	1,278,897,648,366

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2025	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2024
	VND	VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	636,517,511,254	391,009,757,280
Bảo hiểm hàng không	9,633,444,020	(56,163,344)
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	155,743,157,946	150,766,180,903
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	41,695,556,016	23,824,506,396
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	12,079,072,370	10,004,007,435
Bảo hiểm xe cơ giới	220,209,510,252	90,685,677,532
Bảo hiểm cháy nổ	149,329,309,936	84,253,430,546
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	39,005,708,511	25,494,199,680
Bảo hiểm trách nhiệm chung	2,290,990,637	1,864,692,186
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	6,530,761,566	4,173,225,946
(Tăng)/giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(133,715,299,415)	74,380,460,831
	502,802,211,839	465,390,218,111

23. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2025	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2024
	VND	VND
Tổng chi bồi thường	640,319,579,429	491,225,181,640
Bảo hiểm hàng không	-	70,281,730
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	55,494,121,913	55,703,629,618
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	26,732,589,948	10,678,453,007
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	13,697,263,799	1,818,296,483
Bảo hiểm xe cơ giới	380,055,107,068	389,418,717,030
Bảo hiểm cháy nổ	152,009,050,696	14,510,935,976
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	11,696,106,297	18,248,045,946
Bảo hiểm trách nhiệm chung	635,339,708	753,862,099
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	-	22,959,751
Thu giảm chi		
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(291,255,659,823)	(194,807,175,912)
Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(181,366,656,937)	(24,267,408,520)
(Tăng)/Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	158,997,434,364	36,270,723,006
	326,694,697,033	308,421,320,214

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomín, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2025	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2024
	VND	VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	88,253,591,396	63,108,927,499
Chi đòi người thứ ba	-	-
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	60,871,020	18,556,773
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	157,372,775	362,774,190
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	3,405,004,787	2,777,297,789
Chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng	440,199,092,963	449,767,940,170
Chi phí lương, chi phí phục vụ khai thác bảo hiểm	227,461,304,400	140,333,138,150
Chi khác	2,887,967,704	3,139,884,137
	762,425,205,045	659,508,518,708

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2025	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	82,935,435,733	70,117,738,239
Lãi kinh doanh chứng khoán	1,042,410,529	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	(3,277,082,457)	230,436,637
Doanh thu hoạt động tài chính khác	957	-
	80,700,764,762	70,348,174,876

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2025	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2024
	VND	VND
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(994,336,502)	(1,273,958,869)
Chi phí kinh doanh chứng khoán	18,700,628	2,321,686
Lãi vay	4,583,725,545	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	630,651,972	543,180,071
Chi phí hoạt động tài chính khác	10,129,824,262	365,725,723
	14,368,565,905	(362,731,389)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBVTầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2025	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý, chi có tính chất phúc lợi	111,798,240,571	88,945,275,792
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42,843,056,522	30,544,025,573
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	707,471,496	147,690,194
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,086,832,008	1,357,172,832
Chi phí dụng cụ văn phòng	3,571,011,034	3,060,912,449
Chi phí vật liệu quản lý	1,939,285,933	1,762,329,338
Thuế, phí và lệ phí	1,809,768,967	430,769,880
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	153,987,266	1,294,554,821
Chi phí quản lý khác	1,499,707,321	624,889,751
	165,409,361,118	128,167,620,630

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 2/2025	Từ đầu năm đến hết Quý 2/2024
	VND	VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	31,176,453,884	23,549,030,253
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1,239,579,437)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1,036,965,123	1,589,258,528
Thu nhập chịu thuế	30,973,839,570	25,138,288,781
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6,194,767,914	5,027,657,756

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Tầng 25, tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ
Yên Hòa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt vào ngày 15 tháng 07 năm 2025



Trần Phương Anh
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng



Nghiêm Xuân Thái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2025

